

Bản án số: 15 /2017/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 8 - 2017
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Mai Du.

Bà Đinh Thị Thu Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Nguyệt – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Cẩm Linh- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2017 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hồ Thị Cẩm N, sinh năm 1989; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm, thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi - Nơi cư trú: Hẻm 175/75 đường N, tổ 4, p, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Ngọc A, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Xóm, thôn A , xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

(Chị N có mặt tại phiên tòa; anh A có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2017, bản tự khai, biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa nguyên đơn chị Hồ Thị Cẩm N trình bày:

Chị và anh Phạm Ngọc A tự nguyện, tìm hiểu, yêu thương nhau trong một thời gian dài, sau đó tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và đã được Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 25/7/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau

đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là sự bất đồng về quan điểm sống, anh A không quan tâm đến gia đình, thiếu trách nhiệm với vợ con, ăn nói thô lỗ, xúc phạm chị nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát nhau. Vì con, chị đã nhiều lần tha thứ cho anh A, nhờ gia đình cha mẹ hai bên tác động, khuyên nhủ nhưng anh A vẫn không thay đổi, cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Cuối tháng 2/2016 chị dẫn hai con nhỏ về nhà mẹ đẻ sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Chị xét thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh A nữa, nên yêu cầu được ly hôn với anh A.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Hồ Hoài N, sinh ngày 03/4/2013 và cháu Phạm Hồ Hoài A, sinh ngày 10/4/2015. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi hai con chung và yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Hồ Hoài A 1.300.000đ/ tháng cho đến khi cháu A tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có

Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 10/6/2017 anh Phạm Ngọc A trình bày:

Anh đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án. Anh thống nhất như lời trình bày của chị N về quan hệ hôn nhân và con chung. Chị N yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Hồ Hoài N, sinh ngày 03/4/2013 và cháu Phạm Hồ Hoài A, sinh ngày 10/4/2015. Vì hai cháu đều còn nhỏ nên khi ly hôn anh giao hai con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con là do anh tự nguyện, nếu chị N không nuôi hai con thì giao cho anh nuôi, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và tổng đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục phiên tòa. Nguyên đơn chị Hồ Thị Cẩm N chấp hành theo đúng quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phạm Ngọc A chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hồ Thị Cẩm N được ly hôn với anh Phạm Ngọc A.

Về con chung: Giao cháu Phạm Hồ Hoài N, sinh ngày 03/4/2013 và cháu Phạm Hồ Hoài A, sinh ngày 10/4/2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Phạm Ngọc A cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Phạm Ngọc A cư trú tại thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi nên Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ngày 10/6/2017 anh Phạm Ngọc A có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, yêu cầu Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh A.

[3] Về nội dung: Chị Hồ Thị Cẩm N và anh Phạm Ngọc A tự nguyện đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày vào 25/7/2012 nên quan hệ hôn nhân của chị N, anh A là hợp pháp.

Theo chị N trình bày thì nguyên nhân mâu thuẫn chính là anh A sống thiếu trách nhiệm bổn phận của một người chồng, người cha, chị rất nỗ lực để làm tốt vai trò của người vợ, người mẹ trong gia đình tuy nhiên chị không nhận được sự đồng cảm, chia sẻ từ anh A, đã vậy anh A luôn có những lời nói, hành động thiếu tôn trọng, xúc phạm chị. Cuối tháng 02/2016 đến nay chị và anh A sống ly thân, phần ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với anh A. Về phía anh A, anh thống nhất như lời trình bày của chị N về quan hệ hôn nhân và con chung, nay chị N yêu cầu ly hôn, anh đồng ý. Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

[4] Về con chung: Chị N và anh A có 02 con chung là cháu Phạm Hồ Hoài N, sinh ngày 03/4/2013 và cháu Phạm Hồ Hoài A, sinh ngày 10/4/2015. Vì hai cháu Hoài N, Hoài A còn nhỏ, lại là con gái, các cháu cần sự chăm sóc, giáo dục, yêu thương của người mẹ, mặc khác từ khi sinh ra cho đến nay, cả hai cháu đều sống cùng chị N, do đó việc thỏa thuận của chị N, anh A giao hai cháu Hoài N, Hoài A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp và

đảm bảo quyền lợi mọi mặt của hai cháu về phát triển thể chất, học hành. Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, chị N nguyện vọng nuôi hai con chung và yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Hồ Hoài A, sinh ngày 10/4/2015, mỗi tháng 1.300.000đồng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị N là nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con hoàn toàn chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình, do đó chấp nhận yêu cầu của chị N, buộc anh A phải cấp dưỡng nuôi Phạm Hồ Hoài A 1.300.000đ/tháng, thời điểm cấp dưỡng được tính từ tháng 8/2017 cho đến khi cháu A tròn 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Theo chị N, anh A trình bày là không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Hồ Thị Cẩm N phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về quan hệ hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2014/0004312 ngày 29/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 144; 147; 228; 235; 266; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 56; 81; 82; 83 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Cẩm N được ly hôn với anh Phạm Ngọc A.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Hồ Hoài N, sinh ngày 03/4/2013 và cháu Phạm Hồ Hoài A, sinh ngày 10/4/2015 cho chị Hồ Thị Cẩm N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm Ngọc A cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Hồ Hoài A, sinh ngày 10/4/2015 mỗi tháng 1.300.000đ cho đến khi cháu A tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2017.

Anh Phạm Ngọc A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không được ai cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hồ Thị Cẩm N, anh Phạm Ngọc A đều trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hồ Thị Cẩm N phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2014/0004312 ngày 29/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Anh Phạm Ngọc A phải nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

5. Chị N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15(mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh A vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã N, huyện Tư Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Dung